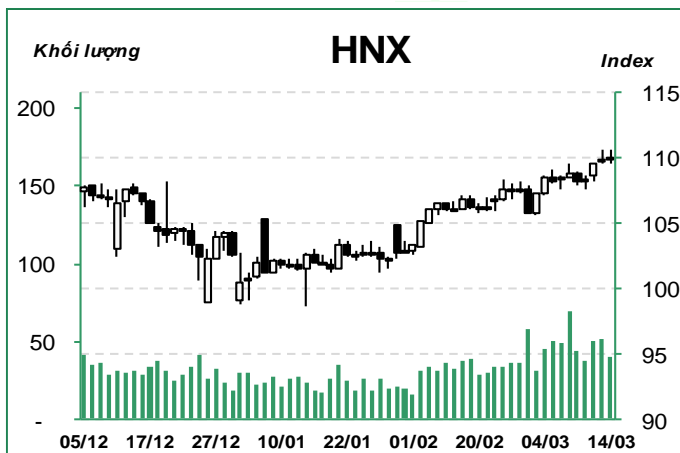
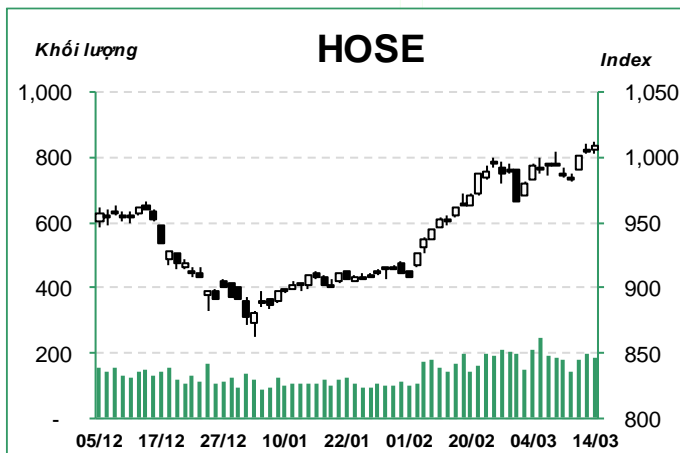


Tổng quan thị trường

| 14/03/2019 | HOSE | | VN30 | | HNX | |
|-----------------------------|-----------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|----------------|
| | Giá trị | Thay đổi % | Giá trị | Thay đổi % | Giá trị | Thay đổi % |
| Giá trị đóng cửa | 1,008.44 | 0.30% | 934.42 | -0.11% | 110.02 | 0.18% |
| Cuối tuần trước | 985.25 | 2.35% | 914.74 | 2.15% | 108.22 | 1.66% |
| Trung bình 20 ngày | 988.24 | 2.04% | 921.32 | 1.42% | 107.86 | 2.00% |
| Tổng KLGD (triệu cp) | 223.04 | -2.76% | 64.94 | -16.73% | 42.32 | -42.95% |
| KLGD khớp lệnh | 182.83 | -7.49% | 51.53 | -28.67% | 39.62 | -23.55% |
| Trung bình 20 ngày | 186.85 | -2.16% | 55.56 | -7.25% | 42.37 | -6.49% |
| Tổng GTGD (tỷ đồng) | 4,787.56 | -6.24% | 2,556.63 | -7.90% | 481.64 | -49.28% |
| GTGD khớp lệnh | 3,747.00 | -15.40% | 2,008.18 | -22.76% | 425.93 | -34.98% |
| Trung bình 20 ngày | 3,944.12 | 21.38% | 2,110.54 | 21.14% | 511.02 | -5.75% |
| | Tỷ trọng | | Tỷ trọng | | Tỷ trọng | |
| Số mã tăng | 164 | 46% | 11 | 37% | 90 | 24% |
| Số mã giảm | 128 | 36% | 16 | 53% | 66 | 17% |
| Số mã đứng giá | 66 | 18% | 3 | 10% | 223 | 59% |



Thị trường tiếp tục tăng điểm trong phiên ngày 14/3 dưới sự dẫn dắt của các cổ phiếu trụ. Tuy nhiên, thanh khoản đã có sự suy giảm, đồng thời khối ngoại cũng đảo chiều bán ròng, khiến cho tâm lý của nhà đầu tư có phần bị ảnh hưởng khi thị trường chỉ mới vượt qua mốc 1,000 điểm chưa lâu. Vào phiên giao dịch buổi sáng, chỉ số mở cửa tại mốc tham chiếu và tiếp tục giằng co liên tục tại mốc này trong suốt phiên sáng. Lực cầu của thị trường gia tăng trong phiên chiều đã giúp thị trường vượt qua vùng giằng co và đóng cửa trong sắc xanh. Kết phiên, cả hai chỉ số đều có phiên giao dịch tăng điểm.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 1008.44 điểm (+0.30%), với KLGD khớp lệnh đạt 182.8 triệu cổ phiếu (-7.5%), tương đương 3,747 tỷ đồng giá trị (-15.4%).

Nhóm Ngân hàng dẫn dắt đà tăng của chỉ số, mặc dù có sự phân hóa nhưng với sự bứt phá của hai cổ phiếu ngân hàng quốc doanh là Vietcombank-VCB (+2.8%) và BIDV-BID (+1.7%), thị trường đã có được sự hỗ trợ tích cực trong phiên hôm nay. Cổ phiếu VCB cũng được hỗ trợ mạnh nhờ đã mua ròng của khối ngoại. Bên cạnh đó, sắc xanh đến từ các cổ phiếu của VinGroup-VIC (+1.1%), Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)-NVL (+1.1%) và Vincom Retail-VRE (+0.5%) thuộc nhóm Bất động sản cũng góp sức vào phiên tăng điểm thành công ngày hôm nay. Ở chiều lại, các cổ phiếu nhóm Thực phẩm có sự điều chỉnh, đại diện là các cổ phiếu của VINAMILK-VNM (-0.8%), SABECO-SAB (-0.8%) và Tập đoàn Masan-MSN (-0.4%) đã kìm hãm đà bứt phá đi lên của thị trường. Ngoài ra, áp lực của thị trường còn đến từ một số cổ phiếu có vốn hóa lớn như cổ phiếu Thủy sản Vĩnh Hoàn-VHC (-2.3%) hay Vietjet Air-VJC (-1.2%) thuộc nhóm Vận tải.

Khối ngoại đảo chiều bán ròng trên sàn HOSE, đạt giá trị 57.1 tỷ đồng, lực bán tập trung vào các mã SBT (-90.0 tỷ), VNM (-

Giao dịch thỏa thuận

| Mã CK | Khối lượng ('000 cp) | GTGD (tỷ đồng) |
|-------------|----------------------|----------------|
| HOSE | | |
| TCB | 4,405.4 | 122.64 |
| SBT | 4,821.8 | 98.85 |
| VNM | 700.2 | 96.30 |
| LDG | 4,050.0 | 60.77 |
| NVL | 935.0 | 57.34 |
| TDM | 2,000.0 | 52.20 |
| VJC | 372.0 | 47.62 |
| GTN | 2,222.5 | 35.56 |
| PVT | 2,000.0 | 35.02 |
| TDH | 2,600.0 | 30.16 |
| HNX | | |
| VCG | 800.0 | 22.88 |
| DP3 | 170.0 | 11.63 |
| VGC | 445.0 | 10.11 |
| SHB | 1,231.0 | 9.76 |
| NRC | 40.0 | 1.20 |
| PVB | 5.0 | 0.11 |
| PVC | 5.0 | 0.03 |
| PVS | 0.1 | 0.00 |

72.3 tỷ), HPG (-43.6 tỷ), và lực mua tập trung ở các mã VCB (+88.4 tỷ), VIC (+50.0 tỷ), TDM (+19.4 tỷ).

Chốt phiên, HNX-Index đóng cửa tại mức 110.02 điểm (+0.18%), với KLGD khớp lệnh đạt 39.6 triệu cổ phiếu (-23.5%), tương đương 425.9 tỷ đồng giá trị (-35.0%).

Nhóm Xây dựng dẫn dắt sắc xanh trên sàn Hà Nội chủ yếu nhờ vào đà tăng của cổ phiếu VINACONEX-VCG (+1.4%). Nhìn chung, diễn biến tích cực của thị trường được dẫn dắt bởi các cổ phiếu có vốn hóa lớn như cổ phiếu của Cảng Hải Phòng-PHP (+4.6%), Xây dựng TASCOS-HUT (+7.7%) hay Ngân hàng Á Châu-ACB (+0.3%). Ở chiều ngược lại, đà giảm đến từ cổ phiếu của Hóa chất Đức Giang-DGC (-2.1%) và cổ phiếu Tập đoàn DABACO-DBC (-1.7%) thuộc ngành Nông nghiệp là các tác nhân chính ảnh hưởng đến thị trường.

Khối ngoại gia tăng bán ròng trên sàn Hà Nội, đạt giá trị 9.5 tỷ đồng (+25.6%), lực bán tập trung vào các mã PVS (-11.1 tỷ), NDN (-2.0 tỷ), NTP (-0.9 tỷ). Ở chiều ngược lại, khối ngoại mua ròng SHB (+6.7 tỷ), ART (+0.9 tỷ), DGC (+0.5 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp. Khối lượng giao dịch suy giảm ở mức dưới bình quân 10 và 20 phiên hàm ý áp lực bán không quá mạnh. Không những vậy, xu hướng phục hồi của chỉ số đang tiếp diễn, khi chỉ số đang đi lên và duy trì đóng cửa trên MA5 và 20, kèm theo chỉ báo xu hướng ADX đang nằm trên vùng 30 và đường +DI nằm trên -DI, cho tín hiệu xác nhận xu hướng phục hồi hiện tại. Thêm vào đó, các chỉ báo kỹ thuật như MACD và RSI đang đi lên tích cực, cho thấy chỉ số có thể có cơ hội tiến lên thử thách vùng kháng cự 1.020 -1.025 điểm (vùng đỉnh tháng 10/2018) trong những phiên tới. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA20, cho thấy xu hướng phục hồi đang tiếp diễn, chỉ số có thể sớm tiến lên thử thách vùng kháng cự 111.1 điểm (Fib 61.8). Nhìn chung, xu hướng phục hồi của thị trường vẫn đang tiếp diễn. Do đó, chúng tôi tiếp tục duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư có thể cân nhắc gia tăng thêm một phần nhỏ tỷ trọng vào các cổ phiếu có tính dẫn dắt, có cơ bản tốt, hưởng lợi từ các hiệp định thương mại và có triển vọng kinh doanh 2019 khả quan.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| PIT | 5.7 | 2.3 | 7.0% |
| TNC | 14.6 | 1.0 | 7.0% |
| TLD | 8.0 | 1,836.6 | 6.9% |
| APG | 9.4 | 716.5 | 6.9% |
| DLG | 1.7 | 4,845.6 | 6.9% |

Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| VIP | 6.7 | 64.3 | -10.0% |
| YEG | 127.7 | 21.5 | -7.0% |
| HU1 | 9.3 | 0.2 | -6.9% |
| DTT | 9.4 | 0.0 | -6.8% |
| SHP | 22.6 | 0.8 | -6.6% |

Top 5 giá trị

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| ROS | 33.5 | 181.8 | 0.0% |
| VRE | 38.0 | 170.5 | 0.5% |
| HPG | 34.2 | 152.9 | -0.4% |
| VCB | 67.0 | 150.7 | 2.8% |
| VJC | 118.4 | 136.7 | -1.2% |

Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| ITA | 3.1 | 11,711.0 | 6.8% |
| STB | 13.0 | 8,475.7 | 1.6% |
| FLC | 5.4 | 6,197.5 | 0.0% |
| ROS | 33.5 | 5,514.8 | 0.0% |
| CTG | 22.5 | 5,173.6 | -0.2% |

HNX

Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| ACM | 0.8 | 248.1 | 14.3% |
| DCS | 1.0 | 368.8 | 11.1% |
| L35 | 6.6 | 12.0 | 10.0% |
| CMS | 5.5 | 0.7 | 10.0% |
| MCF | 12.1 | 0.1 | 10.0% |

Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| PVV | 0.5 | 92.4 | -16.7% |
| PCT | 7.2 | 2.9 | -10.0% |
| BPC | 15.3 | 1.0 | -10.0% |
| TMX | 8.3 | 0.1 | -9.8% |
| VAT | 2.1 | 55.8 | -8.7% |

Top 5 giá trị

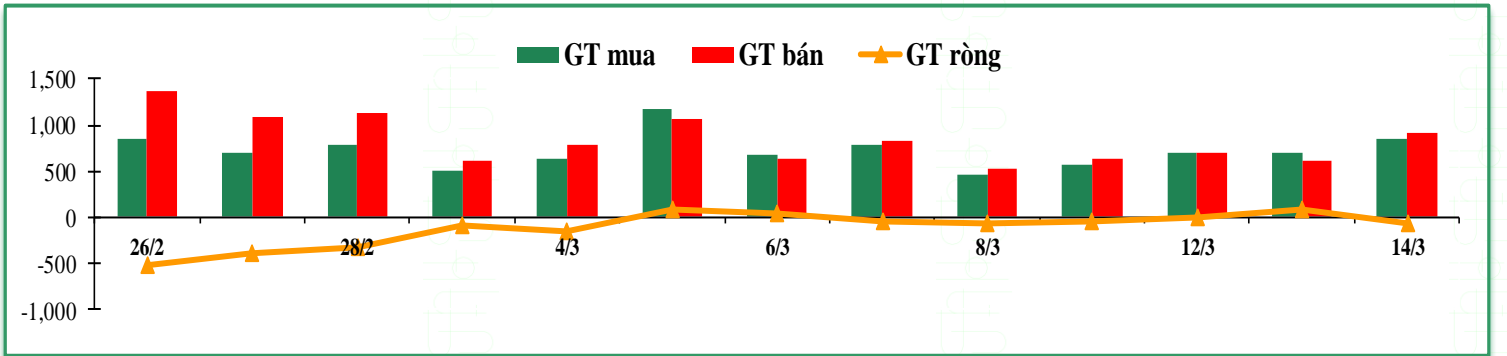
| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| ACB | 31.5 | 73.7 | 0.3% |
| PVS | 21.3 | 65.7 | -0.5% |
| SHB | 7.9 | 38.9 | 0.0% |
| HUT | 4.2 | 33.8 | 7.7% |
| VCG | 28.8 | 28.2 | 1.4% |

Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| HUT | 4.2 | 8,453.7 | 7.7% |
| SHB | 7.9 | 4,878.0 | 0.0% |
| ART | 2.6 | 3,590.9 | 4.0% |
| PVS | 21.3 | 3,062.9 | -0.5% |
| ACB | 31.5 | 2,333.2 | 0.3% |

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

| Sàn GD | GT Mua | % Thị trường | GT Bán | % Thị trường | Mua-Bán |
|----------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| HOSE | 844.5 | 22.5% | 901.6 | 24.1% | -57.1 |
| HNX | 9.7 | 2.3% | 19.2 | 4.5% | -9.5 |
| Tổng số | 854.2 | | 920.8 | | -66.6 |



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VCB | 67.0 | 117.9 | 2.8% |
| VNM | 137.2 | 109.2 | -0.8% |
| VIC | 118.8 | 64.0 | 1.1% |
| HPG | 34.2 | 60.5 | -0.4% |
| VHM | 94.0 | 31.6 | 0.0% |

Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VNM | 137.2 | 181.5 | -0.8% |
| HPG | 34.2 | 104.1 | -0.4% |
| SBT | 19.0 | 91.7 | -1.3% |
| DHG | 116.7 | 43.7 | -0.3% |
| VJC | 118.4 | 41.1 | -1.2% |

Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VCB | 67.0 | 88.4 | 2.8% |
| VIC | 118.8 | 50.0 | 1.1% |
| TDM | 27.3 | 19.4 | 5.0% |
| PLX | 61.2 | 16.1 | -1.0% |
| BID | 36.2 | 13.0 | 1.7% |

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| SHB | 7.9 | 6.7 | 0.0% |
| ART | 2.6 | 0.9 | 4.0% |
| DGC | 42.1 | 0.5 | -2.1% |
| DNM | 10.9 | 0.3 | 1.9% |
| IDV | 29.5 | 0.3 | 0.0% |

Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| PVS | 21.3 | 11.2 | -0.5% |
| NDN | 14.3 | 2.0 | 0.0% |
| NTP | 38.0 | 0.9 | 0.0% |
| INN | 30.5 | 0.7 | -1.6% |
| PLC | 16.0 | 0.6 | 0.6% |

Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| SHB | 7.9 | 6.7 | 0.0% |
| ART | 2.6 | 0.9 | 4.0% |
| DGC | 42.1 | 0.5 | -2.1% |
| IDV | 29.5 | 0.3 | 0.0% |
| TTZ | 8.6 | 0.2 | -2.3% |

Tin trong nước

Thanh khoản dồi dào, lãi suất liên ngân hàng giảm mạnh

Ngày 13/3, lãi suất VND trên thị trường liên ngân hàng tiếp tục thể hiện xu hướng giảm, với các bước khá mạnh. Thanh khoản hệ thống đã dồi dào trở lại sau mùa cao điểm chi trả dịp Tết vừa qua.

Theo đó, lãi suất VND qua đêm đã giảm sâu dưới mốc 4%/năm, chỉ còn 3,63%; các kỳ hạn khác 1 tuần còn 3,73%, 2 tuần 3,84% và 1 tháng 3,96%.

Lãi suất chào bình quân liên ngân hàng USD tăng nhẹ 0,01 - 0,02 điểm phần trăm ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giảm 0,03 điểm phần trăm ở kỳ hạn 1 tháng, và vẫn chênh thấp hơn đáng kể so với lãi suất VND trên cùng thị trường. Lãi suất chào bình quân USD qua đêm ở 2,5%, 1 tuần 2,6%, 2 tuần 2,67% và 1 tháng 2,8%.

Xu hướng giảm mạnh của lãi suất VND trên thị trường liên ngân hàng thể hiện rõ sau khi hệ thống bước qua kỳ cao điểm thanh toán, chi trả dịp Tết. Sau đó dòng tiền nhanh chóng trở lại hệ thống ngân hàng, thể hiện rõ qua lãi suất hạ nhiệt, cùng các cân đối trong điều tiết của Ngân hàng Nhà nước.

Quy định mới của Chính phủ với nhiều điểm nới lỏng điều kiện phát hành trái phiếu doanh nghiệp được kỳ vọng giúp doanh nghiệp huy động thêm vốn qua kênh này.

Nghị định 163 thay thế Nghị định 90 của Chính phủ quy định về việc phát hành trái phiếu của doanh nghiệp (DN) theo hình thức riêng lẻ trong nước và quốc tế, hiệu lực từ đầu năm nay có nhiều điểm mới, theo hướng nới lỏng điều kiện cho DN.

Theo các chuyên gia tài chính, có 2 điểm mới cơ bản của Nghị định 163 so với trước đó là về phát hành riêng lẻ, quy định không giới hạn quyền của tổ chức phát hành, không bắt buộc DN phát hành phải có lãi năm liền trước. Trước đây, DN muốn phát hành trái phiếu phải có lãi.

Trên thực tế, huy động vốn qua kênh trái phiếu đã được một số DN lớn triển khai thời gian qua và đạt hiệu quả nhờ mức lãi suất ổn định trong thời gian dài. Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam cho biết từ giữa năm 2018 đến nay đã thu xếp phát hành thành công trái phiếu cho một số DN lớn trị giá hàng ngàn tỉ đồng như REE, PAN, Nam Long... Đầu năm 2019, Công ty CP Cơ Điện Lạnh (REE) đã phát hành thành công đợt huy động vốn trái phiếu trị giá 2.318 tỉ đồng (tương đương 100 triệu USD) với lãi suất cố định 7%/năm, kỳ hạn 10 năm.

Đòi hỏi khắt khe về minh bạch thông tin

Nghị định 163 cũng nêu rõ điều kiện cho DN phát hành trái phiếu với nguyên tắc minh bạch, rõ ràng dựa trên nguyên tắc tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và bảo đảm khả năng trả nợ. DN phải đáp ứng các tỉ lệ an toàn tài chính, tỉ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành...

Tin doanh nghiệp niêm yết

Thị phần ống thép Hòa Phát vượt 31%, cao nhất từ trước đến nay

Quý III năm nay, Hòa Phát sẽ cho ra mắt sản phẩm ống tròn cỡ lớn. Công ty đặt mục tiêu cả năm tăng trưởng ít nhất 10%, đối với mặt hàng ống các loại đạt 770.000 tấn/năm.

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (Mã: HPG) cho biết trong 2 tháng đầu năm, Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát đưa ra thị trường 113.600 tấn thành phẩm, tăng gần 19% cùng kỳ năm trước. Thị phần của Hòa Phát trong ngành ống thép đã tăng lên 31,2% - cao nhất từ trước đến nay.

Sản lượng bán hàng của thép Hòa Phát tăng trưởng mạnh nhất ở miền Nam với 26,7%, tiếp đó là miền Bắc 18,9% và miền Trung gần 15%. Sản phẩm ống thép của doanh nghiệp này được dùng trong các dự án như VinCity, Bệnh viện Việt Đức, Bạch Mai cơ sở 2, VinFast, Bến xe Miền Đông, Sunshine City, Empire City (TP HCM)...

ACB muốn trả cổ tức bằng cổ phiếu, đề cập kế hoạch bán cổ phiếu quỹ

Ngân hàng TMCP Á Châu (HNX: ACB) vừa công bố kế hoạch tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019. Kế hoạch bán cổ phiếu quỹ được ngân hàng này nhắc đến trong kỳ đại hội năm nay.

Ngân hàng cũng có phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông. Hình thức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu được ACB duy trì 3 năm gần đây trong đó tỷ lệ cổ tức năm 2015 và 2016 là 10%, còn cổ tức năm 2017 trả trong năm trước là 15%.

Petrolimex bán thành công 12 triệu cổ phiếu quỹ

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (HoSE: PLX, Petrolimex) vừa hoàn tất bán 12 triệu cổ phiếu quỹ trên sàn chứng khoán TP HCM, tương đương gần 1% vốn điều lệ, dự kiến thu về khoảng 700 tỷ đồng.

Sau giao dịch, lượng cổ phiếu quỹ tại Petrolimex giảm từ 10,44% vốn xuống 9,5% vốn, tương đương 123 triệu cổ phần, trong khi tỷ lệ free-float trên thị trường tăng từ 5,69% lên 6,63% vốn.

NWL Cayman nắm 7% vốn, thành cổ đông lớn của TLG

Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) vừa thông báo về thay đổi sở hữu của NWL Cayman Holdings tại Tập đoàn Thiên Long (HoSE: TLG).

Cụ thể, từ không sở hữu cổ phần tại Thiên Long, ngày 5/3, NWL Cayman Holdings mua 5 triệu cổ phiếu TLG, tương đương 7,1% vốn và trở thành cổ đông lớn.

Năm 2018, Tập đoàn Thiên Long đạt doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt 2.855 tỷ và 294,4 tỷ đồng, tăng 14% và 10% so với năm trước.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Lý Do |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|-------------------------------------|
| 1 | DVN | Mua | 15/3/2019 | 17.0 | 17.0 | 0.0% | 18.5 | 8.8% | 16.4 | -3.5% | Cổ phiếu quay lại xu hướng phục hồi |

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Lý Do |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|-------|
| 1 | KBC | Mua | 17/1/2019 | 15.30 | 14.10 | 8.5% | 15.5 | 10% | 13.4 | -5% | |
| 2 | VND | Mua | 21/2/2019 | 18.25 | 17.35 | 5.2% | 20.0 | 15% | 17.0 | -2% | |
| 3 | PLX | Mua | 25/2/2019 | 61.20 | 58.50 | 4.6% | 64.0 | 9% | 56.0 | -4% | |
| 4 | LPB | Mua | 5/3/2019 | 9.50 | 9.10 | 4.4% | 10.5 | 15% | 8.7 | -4% | |
| 5 | VEA | Mua | 6/3/2019 | 50.60 | 50.00 | 1.2% | 55.7 | 11% | 49.1 | -2% | |
| 6 | VGT | Mua | 12/3/2019 | 12.50 | 12.50 | 0.0% | 13.5 | 8% | 12.0 | -4% | |
| 7 | PDR | Mua | 12/3/2019 | 29.00 | 26.80 | 8.2% | 29.0 | 8% | 26.0 | -3% | |
| 8 | PNJ | Mua | 13/3/2019 | 104.20 | 99.90 | 4.3% | 108.7 | 9% | 96.4 | -4% | |
| 9 | HDB | Mua | 13/3/2019 | 30.90 | 30.90 | 0.0% | 33.8 | 9% | 29.7 | -4% | |
| 10 | TPB | Mua | 14/3/2019 | 21.30 | 21.30 | 0.0% | 23.0 | 8% | 20.6 | -3% | |
| 11 | GMD | Mua | 14/3/2019 | 28.40 | 28.15 | 0.9% | 30.0 | 7% | 27.2 | -3% | |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

| Mã CK | Sàn | Thị giá | Giá mục tiêu* | Ngày ra báo cáo | Lợi nhuận 2018/19E (tỷ) | EPS 2018/19E | BV 2018/19E | ROE 2018/19E | ROA 2018/19E | PE 2018/19E | PB 2018/19E | Cổ tức dự kiến** |
|---------------------------|-------|---------|---------------|-----------------|-------------------------|--------------|-------------|--------------|--------------|-------------|-------------|------------------|
| POW (New) | HOSE | 16,600 | 19,100 | 13/03/2019 | 2,133 | 911 | 10,685 | 9% | 4% | 21.0 | 1.8 | 7% |
| CTD (New) | HOSE | 144,200 | 157,632 | 25/01/2019 | 1,608 | 21,302 | 117,140 | 19% | 9% | 7.4 | 1.3 | 50% |
| BMP (New) | HOSE | 54,000 | 75,200 | 09/01/2019 | 499 | 6,090 | 33,553 | 19% | 16% | 12.4 | 2.2 | 40% |
| CTI (New) | HOSE | 25,250 | 30,370 | 24/12/2018 | 139 | 1,789 | 23,470 | 10% | 3% | 16.9 | 1.3 | 10% |
| QNS | HOSE | 44,700 | 47,753 | 21/12/2018 | 1,097 | 3,751 | 16,965 | 23% | 15% | 12.7 | 2.8 | 15% |
| ANV | HOSE | 27,150 | 42,824 | 12/12/2018 | 588 | 3,890 | 14,795 | 38% | 18% | 12.0 | 2.9 | 20% |
| LHG | HOSE | 22,200 | 27,200 | 05/12/2018 | 182 | 3,643 | 23,964 | 16% | 9% | 7.5 | 1.1 | 15% |
| GIL | HOSE | 38,850 | 47,122 | 04/12/2018 | 176 | 9,237 | 38,783 | 27% | 11% | 5.1 | 1.2 | 30% |
| NTC | UPCOM | 120,200 | 91,800 | 04/12/2018 | 440 | 27,497 | 34,719 | 94% | 14% | 7.1 | 3.2 | 60% |
| ACB | HNX | 31,500 | 37,400 | 29/11/2018 | 5,349 | 4,289 | 17,477 | 28% | 2% | 8.7 | 2.1 | 15% |
| DVP | HOSE | 39,500 | 66,000 | 28/11/2018 | 326 | 6,879 | 28,359 | 26% | 23% | 9.6 | 2.3 | 45% |
| HVN | UPCOM | 42,000 | 36,000 | 14/11/2018 | 2,145 | 1,512 | 13,897 | 12% | 2% | 21.8 | 2.4 | 8% |
| KDH | HOSE | 31,150 | 32,900 | 14/11/2018 | 671 | 1,736 | 15,050 | 11% | 7% | 18.9 | 2.1 | 5% |
| TNG | HNX | 23,800 | 22,705 | 05/11/2018 | 175 | 3,548 | 15,909 | 25% | 7% | 6.4 | 1.4 | 20% |
| TCM | HOSE | 33,150 | 29,986 | 05/11/2018 | 241 | 4,436 | 32,810 | 21% | 7% | 6.8 | 0.9 | 10% |
| VJC | HOSE | 118,400 | 104,300 | 05/11/2018 | 5,810 | 10,727 | 42,703 | 46% | 18% | 12.5 | 3.9 | 40% |
| FPT | HOSE | 46,250 | 57,500 | 17/10/2018 | 3,533 | 5,124 | 19,748 | 28% | 14% | 10.0 | 2.9 | 25% |
| REE | HOSE | 34,500 | 44,300 | 15/10/2018 | 1,609 | 5,190 | 29,499 | 19% | 11% | 7.7 | 1.3 | 16% |
| TCB | HOSE | 26,900 | 33,200 | 11/10/2018 | 7,894 | 2,258 | 15,417 | 20% | 3% | 14.7 | 2.2 | N/A |
| MWG | HOSE | 89,000 | 142,833 | 10/10/2018 | 2,962 | 9,166 | 56,429 | 47% | 11% | 15.6 | 2.5 | 15% |
| VNM | HOSE | 137,200 | 160,172 | 27/09/2018 | 11,192 | 6,427 | 20,487 | 44% | 31% | 24.9 | 7.8 | 50% |
| VCB | HOSE | 67,000 | 67,701 | 26/09/2018 | 13,859 | 3,852 | 18,162 | 23% | 1% | 16.7 | 3.6 | 108% |

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2018 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.